TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 41/2018/DS-ST
Ngày: 18-9-2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Hồng Thái

Bà Nguyễn Thị Anh Thư.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Như-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Ngày 18 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2018/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1967, địa chỉ: Số 552 đường NVL, LH 2A, phường TQT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Công ty TNHH TP, địa chỉ: Số 77 (cũ), số mới 54 đường NTT, tổ 14, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1956, chức vụ: Giám đốc, (Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên. Mã số doanh nghiệp: 4300351750. Đăng ký lần đầu: Ngày 12/4/2007. Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 20/7/2011), vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Dương Thị Cẩm H, sinh năm 1972, địa chỉ: Đội 3, thôn TN, xã TAT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/6/2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T trình bày:

Ngày 25/4/2015 Công ty TNHH TP, đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Ngọc T là giám đốc có mượn 100.000.000 đồng, trong đó mượn của bà Phạm Thị Thanh T 50.000.000 đồng và mượn của bà Dương Thị Cẩm H 50.000.000 đồng, khi mượn có giao giấy tờ xe ủi biển số 76XA 0807 gồm: 01 giấy đăng ký xe máy chuyên dụng và 01 giấy bán cho, tặng xe để đảm bảo trả nợ. Khi mượn hai bên có thỏa thuận mức lãi suất 3%/tháng. Thời hạn trả nợ trong vòng hai tháng kể từ ngày 25/4/2015, đến hạn vào ngày 26/6/2015 Công ty TNHH TP không trả nợ gốc và lãi như đã cam kết. Bà T, bà H nhiều lần đến đòi nợ nhưng không trả. Đến ngày 25/10/2015 ông Nguyễn Ngọc T trả cho bà Dương Thị Cẩm H 50.000.000 đồng, vậy Công ty TNHH TP không còn nợ bà H, ông T trả cho bà T 20.000.000 đồng, vậy Công ty TNHH TP còn nợ lại

của bà T 30.000.000 đồng. Lúc này bà T và bà H đã trả lại giấy tờ xe ủi biển số 76XA 0807 gồm: 01 giấy đăng ký xe máy chuyên dụng và 01 giấy bán cho, tặng xe cho ông Nguyễn Ngọc T. Nay bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu Công ty TNHH TP phải trả cho bà T 30.000.000 đồng tiền nợ gốc. Về tiền lãi: Thời gian từ ngày 26/4/2015 đến ngày 25/10/2015 bà T không yêu cầu Công ty TNHH TP trả mà yêu cầu trả lãi từ ngày 26/10/2015 cho đến ngày 18/9/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), với mức lãi suất 0,75%/tháng. Cụ thể là (30.000.000 đồng x 0,75%) : 30 ngày x 1.059 ngày = 7.942.500 đồng. Tổng cộng buộc Công ty TNHH TP phải trả cho bà Phạm Thị Thanh T tiền gốc và tiền lãi là 30.000.000 đồng + 7.942.500 đồng = 37.942.500 đồng.

Bị đơn Công ty TNHH TP, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T, chức vụ: Giám đốc không có văn bản trình bày ý kiến.

Trong bản tự khai ngày 27/6/2018, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 13/7/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Cẩm H trình bày:

Vào ngày 25/4/2015, bà Dương Thị Cẩm H và Phạm Thị Thanh T có cho Công ty TNHH TP mượn số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 25/4/2015. Trong đó bà H cho mượn 50.000.000 đồng, bà T cho mượn 50.000.000 đồng. Khi đó ông Nguyễn Ngọc T là giám đốc Công ty TNHH TP có đưa giấy xe để đảm bảo vay mượn gồm: 01 Giấy đăng ký xe máy chuyên dụng; 01 giấy bán cho tặng xe; 01 giấy mượn tiền. Sau 02 tháng nhưng Công ty TNHH TP không trả gốc và lãi cho bà H và bà T. Đến ngày 25/10/2015 Công ty TNHH TP đại diện ông Nguyễn Ngọc T có trả cho bà H và bà T 70.000.000 đồng, trong đó trả cho bà H là 50.000.000 đồng nên đối với bà H là hết nợ và trả cho bà T là 20.00.000 đồng và lúc này bà H, bà T đã trả lại giấy tờ xe cho Công ty TNHH TP. Nay bà Dương Thị Cẩm H không có yêu cầu đối với Công ty TNHH TP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn Công ty TNHH TP, người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Cẩm H, vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH TP vay tiền của bà Dương Thị Cẩm H và bà Phạm Thị Thanh T, cụ thể: Ngày 25/4/2015 Công ty TNHH TP vay của bà H 50.000.000 đồng, vay của bà T 50.000.000 đồng, các bên có quy định thời hạn trả, có thỏa thuận về việc trả lãi, sau đó đến hạn không trả thì ngày 25/10/2015 Công ty TNHH TP trả cho bà H 50.000.000 đồng hết nợ bà H, trả cho bà T 20.000.000 đồng còn nợ lại bà T 30.000.000 đồng.

Về tiền nợ gốc: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu Công ty TNHH TP phải trả cho bà tiền vay gốc 30.000.000 đồng, thì thấy rằng: Tại giấy mượn tiền ghi ngày 25/4/2015 thể hiện Công ty TNHH TP có vay của bà Dương Thị Cẩm H và bà Phạm Thị Thanh T 100.000.000 đồng, trong vòng 02 tháng sẽ thanh toán và lấy giấy đăng ký và giấy bán xe về gồm: 01 giấy đăng ký xe máy chuyên dụng, 01 giấy bán cho tặng xe, ngoài ra theo lời trình bày của bà Dương Thị Cẩm H, Công ty TNHH TP có mượn của bà H 50.000.000 đồng và có mượn của bà T 50.000.000 đồng, đã trả cho bà H 50.000.000 đồng, hết nợ bà H và đã trả nợ cho bà T 20.000.000 đồng, còn

nợ lại bà T 30.000.000 đồng. Vì vậy, có căn cứ buộc Công ty TNHH TP phải có trách nhiệm trả nợ tiền gốc cho bà Phạm Thị Thanh T 30.000.000 đồng là phù hợp Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định". Bị đơn Công ty TNHH TP không đến Tòa án để làm việc, hòa giải, không đến phiên tòa để trình bày nên phải chịu hậu quả về việc không đưa ra các chứng cứ và chứng minh theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T yêu cầu Công ty TNHH TP phải trả số tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng từ 26/10/2015 đến ngày 18/9/2018 là 7.942.500 đồng, thì thấy rằng: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T cho rằng từ ngày vay tiền đến nay Công ty TNHH TP chưa có trả tiền lãi, nhưng bà chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 26/10/2015 cho đến ngày 18/9/2018 (ngày xét xử sơ thẩm), ngoài ra bà Dương Thị Cẩm H trình bày từ ngày bà và bà T cho Công ty TNHH TP vay tiền thì Công ty TNHH TP chưa có trả tiền lãi. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T, tính từ ngày 26/10/2015 đến ngày 18/9/2018 là (30.000.000 đồng x 0,75%) : 30 ngày x 1.059 ngày = 7.942.500 đồng. Buộc Công ty TNHH TP phải trả tiền lãi cho bà Phạm Thị Thanh T 7.942.500 đồng là phù hợp với khoản 2 Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005 "Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Như vậy, buộc Công ty TNHH TP phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Phạm Thị Thanh T 37.942.500 đồng. Trong đó nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng, nợ tiền lãi là 7.942.500 đồng.

Đối với bà Dương Thị Cẩm H cho rằng Công ty TNHH TP đã trả nợ xong cho bà, bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH TP phải chịu 37.942.500 đồng x 5% = 1.897.125 đồng. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thanh T 930.187 đồng tiền tạm ứng án phí.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 471, Điều 474, khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144; Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T.

Buộc Công ty TNHH TP phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Phạm Thị Thanh T số tiền 37.942.500 đồng (Ba mươi bảy triệu, chín trăm bốn mươi hai ngàn, năm trăm đồng). Trong đó nợ tiền gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), nợ tiền lãi là

7.942.500 đồng (Bảy triệu, chín trăm bốn hai ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Đối với bà Dương Thị Cẩm H cho rằng Công ty TNHH TP đã trả nợ xong cho bà, bà không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH TP phải chịu 1.897.125 đồng (Một triệu, tám trăm chín mươi bảy ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng).

Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị Thanh T 930.187 đồng (Chín trăm ba mươi ngàn, một trăm tám mươi bảy đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0003366 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Công ty TNHH TP; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị Cẩm H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ngãi;*
- *VKSND tp Quảng Ngãi;*
- *Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*